

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 652/ TTHK

V/v: Gửi BC công tác PCTN và báo cáo TK, CLP 9
tháng đầu năm 2015

Hà nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015

Kính gửi: - Trưởng ban kiểm soát nội bộ Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam
- Trưởng Ban tài chính Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

Thực hiện quyết định số 193/QĐ - HĐTV ngày 17/4/2014 của HĐTV
Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và Quyết định số 2139/QĐ- QLB ngày
14/4/2015 về chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
năm 2015 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam , Trung tâm Thông báo tin
tức hàng không lập báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1/ Báo cáo Phòng, chống tham nhũng 9 tháng đầu năm 2015 (phụ lục đính kèm).

2/ Báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 9 tháng
đầu năm 2015 (phụ lục đính kèm).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: *Nguyễn Quốc Khanh*

- Nhu trên;
- Lưu VT, TC (Hi03b)



Lê Quốc Khanh

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**
Từ ngày 16/12/2014 đến ngày 15/09/2015

MS	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN.	Văn bản	0
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHÔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	107
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản.	Tài liệu	0
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các qui định về công khai minh bạch	CQ, TC,TV	0
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm qui định về công khai, minh bạch hoạt động.		0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới.	Văn bản	02
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.	Văn bản	01
10	Số cuộc kiểm tra về thực hiện các qui định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.	Cuộc	01
11	Số vụ vi phạm các qui định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý.	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các qui định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.	Người	0
13	Số người vi phạm các qui định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật.	Người	0
14	Số người vi phạm các qui định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì qui đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường.	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng của đơn vị	Người	0

MS.CN:0109
THC
HÀNG
T
QUẢI
D. LONG

Đã thu

18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì qui đổi thành tiền) Thực hiện qui tắc ứng xử; chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức.	Triệu đồng	0
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện qui tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC,ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm qui tắc ứng xử, qui tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng Thực hiện các qui định về minh bạch tài sản, thu nhập	Người	0
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng	Người	0
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
26	Số người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán	Người	0
27	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính.	CQ, TC, ĐV	0
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc.	%	0
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHÜNG			
Qua việc tự kiểm tra nội bộ			
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
Qua hoạt động thanh tra			
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.			
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết, khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
Qua điều tra tội phạm			
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHÜNG			
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0

40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp</i>)	Người	0
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
46	Số cán bộ công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.</i>		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được qui đổi ra tiền Việt Nam	Triệu đồng	0
50	+ Đất đai	m2	0
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được qui đổi ra tiền Việt Nam	Triệu đồng	0
52	+ Đất đai	m2	0
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được qui đổi ra tiền Việt Nam	Triệu đồng	0
54	+ Đất đai	m2	0

009
TÂM
TIN TỨC
CHÍNH HÃNG
CÔNG TY
VIỆT NAM
TNHH
TP. HÀ
NỘI

Huy

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG

Mẫu số: 03b

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
Quý III/I2015

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
1	0	0	0	0

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2015



Lê Quốc Khanh

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
9 tháng đầu năm 2015.

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	TỔNG CỘNG	SỐ LIỆU QUÝ VI NĂM TRƯỚC	SỐ LIỆU NĂM BÁO CÁO		GHI CHÚ
					CỘNG	9 THÁNG	
1	2	3	4	5	6	7	10
I	TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)						
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng					
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.	Triệu đồng					
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán.	Triệu đồng					
1.4	Các nội dung khác.						
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN.						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:						
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng					Số tiền tiết
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng					kiệm xác định
	Tiết kiệm sử dụng điện.	Triệu đồng					trên cơ sở dự
	Tiết kiệm xăng, dầu.	Triệu đồng					toán được
	Tiết kiệm nước sạch.	Triệu đồng					duyệt, mức
	Tiết kiệm công tác phí.	Triệu đồng					khoán chi
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo.	Triệu đồng					được duyệt
	Tiết kiệm chi phí tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm.	Triệu đồng					
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc.	Triệu đồng					
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy.)	Triệu đồng					
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi.	Triệu đồng					
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:						
	Thẩm định, phê duyệt dự toán.	Triệu đồng					
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng					




	<i>Thương thảo hợp đồng.</i>	<i>Triệu đồng</i>										
	<i>Các nội dung khác.</i>											
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức.	Triệu đồng										<i>Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt</i>
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia.	Triệu đồng										
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ.	Triệu đồng										
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ.											
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN.	Đơn vị										
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được.	Đơn vị										
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện.	Triệu đồng										
4	Các nội dung khác.											
II	Đầu tư xây dựng các dự án sử dụng NSNN, tiền, tài sản nhà nước											
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm.	Dự án										
2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng										
* Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán.	Triệu đồng											
* Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng											
* Thực hiện đầu tư, thi công.	Triệu đồng											
* Thẩm tra, phê duyệt quyết toán.	Triệu đồng											
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch.	Triệu đồng										
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ.	Dự án										
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ.											
<i>Số lượng.</i>	Dự án											
<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán.</i>	Triệu đồng											
6	Các nội dung khác.											
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI CỘNG CỘNG.											
1	Trụ sở làm việc.											
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ.	<i>m²</i>										
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển.	<i>m²</i>										
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại.	<i>m²</i>										
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ.	<i>m²</i>										
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý.	<i>m²</i>										



U100
THÔ
HÀNG
TỔ
QUẢN
CỘNG

1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được.	Triệu đồng							
2	Nhà công vụ								
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ.	m ²							
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới nhận điều chuyển.	m ²							
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển sắp xếp lại	m ²							
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ.	m ²							
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý.	m ²							
2.6	Số tiền xử lý sai vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng							
3	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy).								
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ.	Chiếc							
3.2	Số lượng phương tiện hiện tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển).	Chiếc							
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc							
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ.	Chiếc							
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại.	Triệu đồng							
4	Tài sản khác.								
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi.	Tài sản							
4.2	Số lượng tài sản trang bị sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được.	Tài sản							
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản.	Triệu đồng							
5	Các nội dung khác.								
IV	QUẢN LÝ KHAI THÁC SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN.								
1	Quản lý sử dụng đất.								
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật.	m ²							
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi.	m ²							
1.3	Số tiền phạt, xử lý vi phạm thu được.	Triệu đồng							
1.4	Các nội dung khác.								
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác.								



2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên.	Vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được.	Triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được.							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng.	Dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt.	Triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt.							
4	Các nội dung khác.							
V	TRONG ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG, CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC.							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động.	Vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được.	Triệu đồng						
3	Số lượng thủ tục hành chính không cần thiết đã cắt giảm, điều chỉnh,	Thủ tục						
4	Các nội dung khác.							
VI	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP.							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh.		208	93	130	130		
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu.	Triệu đồng	208	93	130	130		
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng.	Triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	208	93	115	115		
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.	Triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết kiệm đã đăng ký (theo nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ)	Triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết kiệm đã thực hiện .	Triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng.							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả.	Dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được.							
	<i>Thẩm định phê duyệt dự án, tổng dự toán.</i>	Triệu đồng						

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Lãnh đạo" (Leadership) or a similar term, is placed at the bottom right of the table.

	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
2.3	Lãng phí, vi phạm thất thoát vốn.							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật.</i>	<i>Dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí vi phạm pháp luật.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
2.4	Các nội dung khác.							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện.							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con.							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ.</i>	<i>Chiếc</i>				01		
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>Chiếc</i>				-		
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>Triệu đồng</i>				-		
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>Chiếc</i>				-		
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng.</i>	<i>Triệu đồng</i>				-		
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ.							
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>Chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>Triệu đồng</i>						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
6	Vốn chủ sở hữu							
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ.</i>	<i>Triệu đồng</i>						
VII	THTK, CLP TRONG SẢN XUẤT, TIÊU DÙNG CỦA CÁ NHÂN, TRONG NHÂN DÂN.							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP.	<i>Lượt hộ</i>						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện.	<i>Vụ</i>						
VIII	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ THTK, CLP.							
1	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK, CLP đã triển khai, thực hiện.	<i>Cuộc</i>						
2	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THTK, CLP	<i>Cuộc</i>						




	đã hoàn thành.					0
3	Số lượng cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra.	Đơn vị				
4	Số lượng cơ quan, tổ chức có lăng phí, vi phạm pháp luật về HTK, CLP phát hiện được.	Đơn vị				
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lăng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát.	Triệu đồng				
6	Giá trị tiền, tài sản lăng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi.	Triệu đồng				
7	Số lượng người bị xử lý do gây lăng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK, CLP.	Người				
8	Xử lý hành chính, kỷ luật.	Người				
9	Xử lý hình sự.	Người				

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO



Vũ Thu Hiền



